

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2024

V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Dung.

2. Ông Lê Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 15/5/2024. Bị đơn ông Nguyễn Quốc C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28/02/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C chung sống với nhau từ năm 2008. Hôn nhân giữa bà T và ông C là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 30/01/2008. Lý do xin ly

hôn: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện, vợ chồng sống chung nhà nhưng việc ai nấy làm, bà T làm công nhân ở xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh còn ông C làm công nhân ở Nhà máy C1 thuộc xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; tiền ai người đó sử dụng, không chia sẻ công việc với nhau. Hiện vợ chồng vẫn sống chung nhà với gia đình bố mẹ ông C nhưng hai bên không quan hệ vợ chồng, đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai. Nay, bà T làm đơn xin được ly hôn với chồng là ông C.

2. *Về con chung*: Bà T và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Khánh M, sinh ngày 25/8/2012. Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng, bà T thay đổi ý kiến chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không cung cấp ý kiến gì khác hay tranh chấp gì khác.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc T cung cấp*: Đơn xin ly hôn ngày 28/02/2024 của bà T (bản gốc); CCCD của bà T (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Giấy khai sinh của 02 con chung (bản sao); Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ giao tài liệu chứng cứ ngày 28/02/2024 của bà T (bản gốc); Đơn yêu cầu lựa chọn hòa giải theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 28/02/2024 của bà T (bản gốc); Biên bản chấm dứt hòa giải ngày 25/3/2024; Bản tự khai ngày 28/02/2024 và ngày 14/5/2024 của bà T (bản gốc); Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 15/5/2024 của bà T (bản gốc).

*** Bị đơn ông Nguyễn Quốc C:**

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật bằng cách niêm yết công khai để báo cho ông C biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông C vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông C.

*** Con chung Nguyễn Quốc K và Nguyễn Khánh M:**

Tại bản tự khai và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 14/5/2024 của cháu K và cháu M: Ý kiến của con chung Nguyễn Quốc K và Nguyễn Khánh M có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

*** Kết quả xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương:**

Theo Biên bản xác minh ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đối với chính quyền địa phương và đối với ông Nguyễn Thanh B (cha ruột của ông C) thì ông C hiện có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương. Ông B xác định, hiện bà T và ông C đang sinh sống cùng nhà với ông B; nguyên nhân mâu thuẫn là bà T nghi ngờ ông C có người phụ nữ khác, ngược lại ông C nghi ngờ bà T có người đàn ông khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:**

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông C theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện ông C về việc tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con chung. Ông C có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35; 36; 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T, bị đơn ông C theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà T:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông C chung sống với nhau từ năm 2008. Hôn nhân giữa bà T và ông C là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 30/01/2008. Hôn nhân giữa bà T và ông C là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Lý do xin ly hôn: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà T, hiện vợ chồng sống chung nhà nhưng việc ai nấy làm, tiền ai người đó sử dụng, không chia sẻ công việc với nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không

hạnh phúc. Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông C biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông C vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà T đều này cho thấy ông C không có thiện chí đoàn tụ với bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thể nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông C không đạt được những điều đó nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Bà T và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Khánh M, sinh ngày 25/8/2012. Quá trình tố tụng, bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng con chung cháu K và cháu M có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ là bà T. Ý kiến của bà T và con chung cháu K và cháu M là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Quốc C về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đặng Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc C.

1.2. *Về con chung*: Bà Đặng Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Khánh M, sinh ngày 25/8/2012. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Quốc C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Đặng Thị Ngọc T không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. *Án phí sơ thẩm*: Bà Đặng Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002726 ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND TT. D, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng